

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2026

V/v Ly hôn;

tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh;
2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2026 tại Hội trường tầng 2 Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Đ (cũ); địa chỉ: Số B Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2025, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/5/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Thu T, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng V, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có mặt tại phiên tòa, anh V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07/10/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/11/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hồ Thị Thu T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Trọng V kết hôn vào ngày 13/9/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là UBND phường S, tỉnh Quảng Ngãi). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được; chị T và anh V đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, phần ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn tình cảm nên chị T tha thiết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng V.

Về con chung: Chị Hồ Thị Thu T và anh Nguyễn Trọng V có 01 người con chung tên là Nguyễn Văn G, sinh ngày 26/02/2019; hiện cháu G đang sống cùng anh V. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu Nguyễn Văn G cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Thu T trình bày không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Nguyễn Trọng V nhưng anh V không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hồ Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn G, sinh ngày 26/02/2019 cho anh Nguyễn Trọng V trực tiếp nuôi dưỡng; quá trình tố tụng anh V không có văn bản trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Thu T trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Trọng V có đăng ký thường trú tại tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Thu T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Trọng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị Thu T và anh Nguyễn Trọng V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 13/9/2016 nên hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị T và anh V đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, phần ai người đó sống, không còn quan tâm nhau; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T tha thiết yêu cầu được ly hôn anh V. Đối với anh Nguyễn Trọng V, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh V không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa; điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.1] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T xác định: Chị và anh V có một con chung là Nguyễn Văn G, sinh ngày 26/02/2019, hiện nay cháu G đang sinh sống với anh V; chị T đồng ý tiếp tục giao cháu G cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung là cháu Nguyễn Văn G cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh V không có

ý kiến trình bày về việc yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Thu T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị Thu T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Bộ luật số 45/2019/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 13/2022/QH15, Luật số 19/2023/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 46/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Thu T và anh Nguyễn Trọng V.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn G, sinh ngày 26/02/2019 cho anh Nguyễn Trọng V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Trọng V không có ý kiến trình bày về việc yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Hồ Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Thu T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị Thu T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

0002202 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chi T phải chịu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND phường Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Dũng